TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Quyết định giám đốc thẩm
Số: 07/2019/HC-GĐT
Ngày 02-4-2019
V/v khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

- ***Thành phần Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao gồm có***:

Phó Chánh án - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Du;

Các Thẩm phán: - Bà Đào Thị Xuân Lan;

- Ông Nguyễn Văn Thuân;

- Ông Đặng Xuân Đào;

- Ông Tống Anh Hào.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lê Thị Ngọc Vân, Thư ký Tòa án nhân dân tối cao.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao tham gia phiên tòa***: Ông Phương Hữu Oanh, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Ngày 02 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tối cao mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án hành chính về *"Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"* giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Nguyễn Quang T, sinh năm 1952; cư trú tại: Số 01 đường B, Phường 1, thành phố Đ, tỉnh L.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư M – Đoàn luật sư tỉnh L.

2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh L

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Nguyễn S, Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Bà Hồ Thị Y, sinh năm 1952; cư trú tại: Số 20 đường C, Phường 1, thành phố Đ, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trước năm 1975, diện tích đất tại số 01 đường B, thành phố Đ hiện nay ông Nguyễn Quang T đang sử dụng; diện tích đất tại số 20 đường C, thành phố Đ

hiện nay bà Hồ Thị Y đang sử dụng có nguồn gốc là của cố D. Diện tích đất đang tranh chấp giữa ông T và bà Y là phần lối đi nối liền từ phía sau ngôi nhà số 20, đường C ra đường B, có chiều ngang 1,9 m, chiều sâu khoảng 12m với tứ cận: Phía Bắc giáp đường B, phía Nam giáp nhà bà Y, phía Đông giáp nhà ông T, phía Tây giáp nhà ông Q cũng có nguồn gốc của cố D.

Trước năm 1975, cố D khi xây nhà cho thuê đã giành phần đất đang tranh chấp nêu trên làm lối đi ra phía sau cho ngôi nhà số 20 đường C để đi ra đường B. Sau đó, cố D cho cháu là cụ H và cụ P (cha mẹ bà Y) sở hữu và sử dụng nhà số 20 đường C. Khi thực hiện việc cải tạo công thương, Nhà nước đã trưng thu toàn bộ nhà số 20 đường C. Do không có chỗ ở nên hộ cụ H ký hợp đồng thuê phần phía sau của ngôi nhà này. Phần nhà trệt có diện tích khoảng 17m^2 mặt đường C do Công ty dịch vụ du lịch ĐL sử dụng làm quán hớt tóc. Hộ cụ H, cụ P không có lối đi ra đường C nên phải đi qua ngõ phía sau ra đường B.

Ngày 16/02/1990, Ủy ban nhân dân tỉnh L có Quyết định số 65/QĐ-UB về việc giao trả quyền sở hữu ngôi nhà số 20, đường C, Phường 1, Thành phố Đ cho gia đình cụ P.

Ngày 08/10/1991, cụ P lập "Văn bản cho nhà" cho con gái là bà Hồ Thị Y ngôi nhà số 20, đường C.

Ngày 05/12/2001, bà Y được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại thửa 64, tờ bản đồ số 7, số nhà 20 đường C, Phường 1, thành phố Đ với diện tích 109,43m^2 đất (không bao gồm diện tích lối đi ra phía đường B).

Sau đó, bà Y có đơn yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố Đ điều chỉnh diện tích lối đi ra đường B vào giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở đã cấp cho bà Y.

Ngày 05/12/2011, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ ban hành Quyết định số 3807/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Y, với nội dung: "*Không chấp nhận đơn của bà Y khiếu nại yêu cầu điều chỉnh diện tích lối đi thông ra đường B hiện hai hộ bà Hồ Thị Y và hộ ông Nguyễn Quang T đang sử dụng vào Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở mà UBND tỉnh L đã cấp ngày 05/12/2001 cho bà Hồ Thị Y tại thửa 64 tờ bản đồ số 7, tại 20 đường C, Phường 1, thành phố Đ; Giữ nguyên hẻm hiện trạng sử dụng làm lối đi như trước đây, yêu cầu các hộ không tự ý lấn chiếm hoặc tác động lên con hẻm thông hành ra đường B giữa hai hộ Hồ Thị Y và hộ ông Nguyễn Quang T nếu không có sự cho phép của cơ quan có thẩm quyền...*"

Bà Y khiếu nại quyết định nêu trên của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh L;

Ngày 10/5/2013, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh L ban hành Quyết định số 883/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Y với nội dung: *"Điều 1. Chấp nhận nội dung đơn của bà Hồ Thị Y, đề nghị công nhận và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình Bà diện tích đất có chiều ngang đường B l,9m, chiều sâu khoảng 12m, vì nguồn gốc diện tích đất này trước đây của gia*

đình bà Y và hiện nay đang sử dụng làm lối đi ra đường B. Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân thành phố Đ điều chỉnh 01 phần Quyết định số 3087/QĐ-UBND ngày 05/12/2011 của Ủy ban nhân dân thành phố Đ về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Hồ Thị Y cho phù hợp với Điều 1 Quyết định này".

Ngày 24/9/2013, ông Nguyễn Quang T có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh L, yêu cầu hủy Quyết định số 883/QĐ-UBND ngày 10/5/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh L.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 08/2014/HC-ST ngày 09/9/2014, Tòa án nhân dân tỉnh L quyết định:

Bác đơn khởi kiện của ông Nguyễn Quang T về việc yêu cầu hủy Quyết định số 883/QĐ-UBND ngày 10/5/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh L.

Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí.

Ngày 22/9/2014, ông Nguyễn Quang T có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm nêu trên.

Tại Bản án hành chính phúc thẩm số 34/2015/HC-PT ngày 14/4/2015, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố H quyết định:

Chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Quang T, sửa bản án sơ thẩm.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quang T. Hủy Quyết định số 883/QĐ-UBND ngày 10/5/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh L về việc giải quyết khiếu nại của bà Hồ Thị Y.

Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về án phí.

Ngày 29/9/2015, Ủy ban nhân dân tỉnh L có Công văn số 5797/UBND và ngày 30/9/2015, bà Hồ Thị Y có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án phúc thẩm nêu trên.

Tại Quyết định kháng nghị số 14/2018/KN-HC ngày 24/8/2018, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao đã kháng nghị Bản án hành chính phúc thẩm số 34/2015/HC-PT ngày 14/4/2015 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố H; đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử giám đốc thẩm theo hướng hủy Bản án hành chính phúc thẩm số 34/2015/HC-PT ngày 14/4/2015 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố H và giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 08/2014/HC-ST ngày 09/9/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh L.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao chấp nhận kháng nghị của Chánh án tòa án nhân dân tối cao.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền: Quyết định số 883/QĐ-UBND ngày 10/5/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh L về việc giải quyết khiếu nại của bà Hồ Thị Y được ban hành đúng theo trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định tại Luật Khiếu nại năm 2011.

[2] Về nội dung: Diện tích đất tranh chấp giữa ông Nguyễn Quang T và bà Hồ Thị Y có nguồn gốc là của cố D, được gia đình cố D sử dụng làm lối đi cho nhà số 20 đường C để đi ra đường B. Sau đó, cố D đã cho cháu là cụ H và cụ P được quyền sử hữu, sử dụng. Thực hiện chính sách cải tạo công thương, nhà nước đã trưng thu toàn bộ nhà số 20 đường C, nhưng sau đó đã giao trả quyền sở hữu ngôi nhà số 20 đường C cho gia đình cụ P. Ngày 08/10/1991, cụ P lập "Văn bản cho nhà" với nội dung cụ P cho con là bà Hồ Thị Y toàn bộ ngôi nhà tại số 20 đường C, trong đó không ghi rõ phần diện tích đất nhưng có nêu phía Nam giáp đường C; phía Bắc giáp đường B. "Văn bản cho nhà" có xác nhận của Sở Xây dựng tỉnh L ngày 16/10/1991 và Ủy ban nhân dân Phường 1 ngày 17/10/1991. Tại "Biên bản xác định ranh giới, mốc, kích thước thửa đất" ngày 01/10/1998 và tại "Đơn xin sửa chữa nhà" năm 2003, bà Y đều kê khai phía Bắc giáp đường B. "Đơn xin sửa chữa nhà" của bà Y được các hộ giáp ranh ký xác nhận, trong đó có hộ ông T. Ngày 11/12/2011, ông K (nguyên Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh L) có văn bản xác nhận việc gia đình bà Y đã sử dụng lối đi phía sau ra đường B từ trước năm 1975 và đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết cho gia đình bà Y. Tại Biên bản họp dân ngày 08/01/2013, các hộ dân xung quanh diện tích đất tranh chấp đều thống nhất nguồn gốc diện tích đất tranh chấp thuộc gia đình bà Y và đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Y. Ngoài ra, Ủy ban nhân dân tỉnh L xác nhận từ năm 1997 đến nay bà Y đều nộp thuế nhà đất cho diện tích 140m^2 đất, bao gồm cả diện tích đất đang tranh chấp. Như vậy, có căn cứ để xác định lối đi đang tranh chấp có nguồn gốc của gia đình bà Y và được gia đình bà Y sử dụng từ trước đến nay.

[3] Đối với hộ gia đình ông T, khi làm thủ tục xây nhà đã thể hiện tại giấy phép và thiết kế xây dựng là vách tường nhà giáp với phần đất tranh chấp là bức tường kín, không có cửa, không thông ra phần đất này. Thiết kế phần cấp thoát nước không nằm dưới lòng đất đang tranh chấp. Họa đồ hiện trạng nhà số 1 đường B có chữ ký của ông T (tháng 10/1996) xác định lối đi đang tranh chấp là lối đi của nhà số 20 đường C. Năm 2011, ông T đã bị xử phạt vi phạm hành chính do xây nhà sai phép và thiết kế được duyệt, đồng thời phải có trách nhiệm dọn dẹp vật liệu rơi vãi khi xây dựng nhà trả lại lối đi thông thoáng cho nhà số 20 đường C, phải trả tiền cho bà Y làm lại cửa sắt của lối đi này. Do đó, không thể căn cứ vào việc khi xây dựng nhà, ông T đã cho lắp đặt ống cấp nước và đồng hồ nước của gia đình ông T dưới lối đi đang tranh chấp để xác định đó là lối đi chung của gia đình ông T và gia đình bà Y.

[4] Như vậy, Quyết định số 883/QĐ-UBND ngày 10/5/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh L ban hành về việc giải quyết khiếu nại của bà Y với nội dung: *"Chấp nhận nội dung đơn của bà Hồ Thị Y, đề nghị công nhận và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình bà diện tích đất có chiều ngang đường B 1,9m, chiều sâu khoảng 12m, vì nguồn gốc diện tích đất này trước đây là của gia đình bà Y và hiện nay đang sử dụng làm lối đi ra đường B"* là có căn cứ.

[5] Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông T về việc yêu cầu hủy Quyết định số 883/QĐ-UBND ngày 10/5/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh L là đúng pháp luật. Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án hành chính sơ

thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, hủy Quyết định số 883/QĐ-UBND ngày 10/5/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh L về việc giải quyết khiếu nại của bà Y là không có căn cứ. Do đó, cần hủy toàn bộ Bản án hành chính phúc thẩm số 34/2015/HC-PT ngày 14/4/2015 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố H và giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 08/2014/HC-ST ngày 09/9/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh L.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 271, khoản 2 Điều 272, Điều 273 Luật tố tụng hành chính;

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 14/2018/KN-HC ngày 24/8/2018 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao đối với Bản án hành chính phúc thẩm số 34/2015/HC-PT ngày 14/4/2015 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố H.

2. Hủy Bản án hành chính phúc thẩm số 34/2015/HC-PT ngày 14/4/2015 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố H; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 08/2014/HC-ST ngày 09/9/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh L.

Nơi nhận:
- Chánh án TANDTC (để báo cáo);
- Viện trưởng VKSNDTC (để biết);
- TAND cấp cao tại Thành phố H;
- TAND tỉnh L (02 bản kèm HSVA);
- Vụ 10 – VKSNDTC;
- Cục THADS tỉnh L;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VP, Vụ GĐKTIII (2b), HS, THS.

TM. HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
PHÓ CHÁNH ÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Du